

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 94/2018/HSST
Ngày 19 - 10 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Khuru Liên Dung**

Bà **Dư Thị Út**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Hải Đăng** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2018/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Hồng Hiên V; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1981; Tại: Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số 11A, đường V, Khóm M, Phường B, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ kim hoàn; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Hồng Ngọc T, sinh năm: 1953; Mẹ: Nguyễn Kim H, sinh năm: 1956; Vợ: Võ Thị Thu T, sinh năm 1981; Con: gồm 02 người, lớn nhất SN: 2009, nhỏ nhất SN: 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị khởi tố bị can ngày 02/10/2017 và được tại ngoại điều tra đến nay (có mặt).

*** Người bị hại:**

1. Ông Phùng Quốc N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 11, đường H, Khóm H, Phường B, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

2. Ông Lý N, sinh năm 1952

Địa chỉ: Số 33, đường H, Khóm H, Phường B, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo là thợ kim hoàn , thường nhận vàng nguyên liệu thô (vàng thô) chưa thành phẩm gồm vàng 17K và vàng Italia (vàng trắng được nhập khẩu từ nước Ý) của một số tiệm vàng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đem về gia công thành sản phẩm theo yêu cầu của chủ tiệm vàng rồi giao lại để hưởng tiền công . Theo thỏa thuận thì vàng thô được giao nhiều hơn trọng lượng vàng thành phẩm , vì khi gia công luôn có một lượng vàng hao phí nhất định. Đối với lượng vàng hao phí, giữa bị cáo và chủ tiệm vàng thỏa thuận và thống nhất mỗi sản phẩm vàng được hoàn thiện, bị cáo tính lượng vàng hao phí rồi yêu cầu trả trong tiền công. Khi giao vàng thô , chủ tiệm vàng ghi thời gian, trọng lượng và loại vàng vào sổ (sổ này chủ tiệm vàng giữ để theo dõi), bị cáo ký tên xác nhận. Khi giao vàng thành phẩm, bị cáo xem chủ tiệm vàng ghi vào sổ thời gian, loại sản phẩm, trọng lượng vàng . Khi vàng thô đã giao cho bị cáo gần hết thì chủ tiệm vàng tiếp tục đưa thêm để bị cáo gia công thành các loại sản phẩm theo yêu cầu. Sau đó, chủ tiệm vàng lấy trọng lượng vàng thô đã giao trừ lại trọng lượng vàng thành phẩm đã nhận , tính ra trọng lượng vàng thô bị cáo còn thiếu để hoàn trả lại cho chủ tiệm vàng khi đến kỳ tổng kết sổ.

Vào năm 2016, bị cáo hùn vốn với ông Trần Thanh S , trú ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh B để nuôi tôm công nghiệp nhưng bị thua lỗ nhiều dẫn đến không có tiền chi xài cá nhân . Lúc này, bị cáo nảy sinh ý định lợi dụng vào nghề nghiệp của mình xin vào các tiệm vàng trên địa bàn thành phố B để nhận vàng về gia công và chiếm đoạt vàng bán lấy tiền tiêu xài cá nhân . Với ý định này , bị cáo chủ động giả vờ thỏa thuận nhận vàng thô và giao vàng thành phẩm nên các chủ tiệm vàng tưởng thật và đồng ý giao vàng cho bị cáo hoặc khi lượng vàng thô đã nhận gần hết , với thủ đoạn nêu trên , bị cáo xin vào tiệm vàng mới để gia công và lấy vàng thô gia công thành phẩm , rồi giao cho chủ tiệm vàng cũ , tiếp tục nhận vàng thô để xoay vòng. Với thủ đoạn này , bị cáo yêu cầu các chủ tiệm vàng giao vàng thô số lượng lớn để gia công sản phẩm tại nhà rồi giao lại vàng thành phẩm cho chủ . Sau khi lấy được vàng thô, và giao một số sản phẩm không đáng kể cho chủ tiệm vàng để làm tin, đồng thời tiếp tục đề nghị các chủ tiệm vàng nâng dần số lượng vàng thô để chiếm đoạt nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân .

Tính từ ngày 09/01/2017 đến ngày 08/6/2017, trên địa bàn Phường B, thành phố Ba, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nêu trên , thực hiện 23 lần chiếm đoạt tài sản của các ông Phùng Quốc N gồm: 9,0865 lượng vàng thô 17K, 0,46 lượng vàng thô Italia và ông Lý N 7,0345 lượng vàng thô 17K, với tổng giá trị thành tiền là 435.083.300 đồng.

Bản Cáo Trạng số 65/CT-VKS ngày 04/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo Hồng Hiền V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Hồng Hiến V từ 08 - 09 năm tù.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Bị cáo Hồng Hiến V có trách nhiệm bồi thường cho ông Phùng Quốc N số tiền 239.000.000 đồng, ông Lý Ngọc số tiền 176.000.000 đồng.

Án phí: Bị cáo Hồng Hiến V phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bạc Liêu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hồng Hiến V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai khác của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Vào năm 2016, bị cáo hùn vốn với ông Trần Thanh S , trú ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh B để nuôi tôm công nghiệp nhưng bị thua lỗ nhiều dẫn đến không có tiền chi xài cá nhân . Lúc này, bị cáo nảy sinh ý định lợi dụng vào nghề nghiệp của mình xin vào các tiệm vàng trên địa bàn thành phố Bạc Liêu để nhận vàng về gia

công nhằm chiếm đoạt vàng bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và hùn vốn nuôi tôm với ông Lâm Quốc V, trú ấp Vi xã V, thành phố B, tỉnh B. Với ý định này, bị cáo chủ động giả vờ thỏa thuận nhận vàng thô và giao vàng thành phẩm nên các chủ tiệm vàng tưởng thật và đồng ý giao vàng cho bị cáo hoặc khi lượng vàng thô đã nhận gần hết, với thủ đoạn nêu trên, bị cáo xin vào tiệm vàng mới để gia công và lấy vàng thô gia công thành phẩm, rồi giao cho chủ tiệm vàng cũ, tiếp tục nhận vàng thô để xoay vòng. Với thủ đoạn này, bị cáo yêu cầu các chủ tiệm vàng giao vàng thô số lượng lớn để gia công sản phẩm tại nhà rồi giao lại vàng thành phẩm cho chủ. Sau khi lấy được vàng thô, bị cáo giao một số sản phẩm không đáng kể cho chủ tiệm vàng để tạo sự tin tưởng của chủ tiệm vàng, đồng thời tiếp tục đề nghị các chủ tiệm vàng nâng dần số lượng vàng thô để chiếm đoạt.

Từ tháng 12/2016 đến tháng 6/2017 bị cáo liên tục thực hiện hành vi nêu trên để chiếm đoạt vàng của các tiệm vàng, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng cuối tháng 12/2016, bị cáo đến tiệm vàng K, ở Khóm H, Phường B, thành phố B do ông Phùng Quốc N làm chủ để xin làm thợ gia công, ông Nghĩa đồng ý.

Ngày 22/12/2016, ông Quốc N giao cho bị cáo 3,123 lượng vàng thô. Để tạo lòng tin, sau khi nhận vàng, bị cáo gia công 0,378 lượng vàng 17K và giao đủ các mặt hàng vàng thành phẩm mà ông N yêu cầu, bị cáo còn giữ 2,745 lượng vàng thô.

Ngày 28/12/2016, ông Quốc N giao thêm 7,045 lượng vàng thô, bị cáo gia công thành phẩm 0,8005 lượng vàng 17K giao cho ông Nghĩa nên còn 8,9895 lượng vàng thô. Để ông Quốc N tin tưởng giao thêm vàng thô để gia công nhằm chiếm đoạt mà không nghi ngờ, trong khoảng từ 1 đến 10 ngày, bị cáo giao một phần trong tổng số vàng thành phẩm mà ông Nghĩa yêu cầu với lý do *“Hàng đặt nhiều quá, không làm kịp, vài bữa nữa giao tiếp”*.

Ngày 09/01/2017, bị cáo giao tiếp 0,6995 chỉ vàng 17K thành phẩm cho ông Quốc N nên còn lại 8,29 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn trơn nhưng chưa hoàn thiện (giống nhẫn hư hỏng, sử dụng lâu năm, đã cũ) với tổng trọng lượng 0,5 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K ở khóm H, phường B, thành phố B được 10.000.000 đồng nên Vinh còn 7,79 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 09/01/2017, có giá bán ra: 2.512.000 đồng/chỉ;

Như vậy, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,5 \times 10 \times 2.512.000 = 12.560.000$ đồng.

Lần thứ 2: Ngày 13/01/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,22 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 7,57 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị

cáo gia công thành hai chiếc nhẫn trơn nhưng chưa hoàn thiện với tổng trọng lượng 0,4 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 8.000.000 đồng nên còn 7,17 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 13/01/2017, có giá bán ra: 2.527.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,4 \times 10 \times 2.527.000 = 10.108.000$ đồng.

Lần thứ 3: Ngày 17/01/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,2665 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 6,9035 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với tổng trọng lượng 0,7 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 14.000.000 đồng nên còn 6,2035 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 17/01/2017, có giá bán ra: 2.542.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,7 \times 10 \times 2.542.000 = 17.794.000$ đồng.

Lần thứ 4: Ngày 19/01/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,88 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 5,3235 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với tổng trọng lượng 0,7 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 14.000.000 đồng nên còn 4,6235 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 19/01/2017, có giá bán ra: 2.550.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,7 \times 10 \times 2.550.000 = 17.850.000$ đồng.

Lần thứ 5: Ngày 22/01/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,1795 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 4,444 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành một chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng 0,2 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 4.000.000 đồng nên còn 4,244 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 22/01/2017, có giá bán ra: 2.565.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,2 \times 10 \times 2.565.000 = 5.130.000$ đồng.

Lần thứ 6: Ngày 24/01/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,2755 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 3,9685 lượng vàng thô . Trong số vàng này, bị cáo gia công thành một chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng 0,2 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 4.000.000 đồng nên còn 3,7685 lượng vàng thô .

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng , xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 24/01/2017, có giá bán ra: 2.580.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,2 \times 10 \times 2.580.000 = 5.160.000$ đồng.

Lần thứ 7: Ngày 27/01/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,1335 lượng vàng 17K cho ông Quốc N nên còn lại 3,635 lượng vàng thô . Trong số vàng này, bị cáo gia công thành một chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng 0,3 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 6.000.000 đồng nên còn 3,335 lượng vàng thô .

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 27/01/2017, có giá bán ra: 2.580.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,3 \times 10 \times 2.580.000 = 7.740.000$ đồng.

Lần thứ 8: Ngày 11/2/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,082 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 3,253 lượng vàng thô . Trong số vàng này, bị cáo gia công thành một chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng 0,2 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 4.000.000 đồng nên còn 3,053 lượng vàng thô .

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng , xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 11/2/2017, có giá bán ra: 2.595.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,2 \times 10 \times 2.595.000 = 5.190.000$ đồng.

Lần thứ 9: Ngày 17/02/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,6005 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 2,4525 lượng vàng thô . Trong số vàng này, bị cáo gia công thành một chiếc nhẫn như chưa hoàn thiện với trọng lượng 0,2 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 4.000.000 đồng nên còn 2,2525 lượng vàng thô .

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 17/2/2017, có giá bán ra: 2.595.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,2 \times 10 \times 2.595.000 = 5.190.000$ đồng.

Lần thứ 10: Ngày 18/02/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,13 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 2,1225 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành một chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng 0,2 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 4.000.000 nên còn 1,9225 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 18/2/2017, có giá bán ra: 2.595.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,2 \times 10 \times 2.595.000 = 5.190.000$ đồng.

Lần thứ 11: Vào ngày 19/02/2017, bị cáo thấy vàng thô gần hết, lợi dụng việc ông Quốc N luôn giao vàng thô nhiều hơn so với số vàng thành phẩm theo yêu cầu của mình để khi có khách đến đặt hàng thì ông Quốc N kêu bị cáo gia công thành sản phẩm thêm được nhanh chóng, giao đúng hẹn cho khách. Đồng thời, bị cáo giao một vài sản phẩm mà ông Quốc N đã yêu cầu làm trước đó và cầm theo một mẫu sản phẩm mới giới thiệu, ông Quốc N thấy đẹp nên tin tưởng đặt hàng và giao thêm 3,6455 lượng vàng thô cho bị cáo, tổng cộng bị cáo giữ 5,568 lượng vàng thô rồi gia công thành phẩm 0,12 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 5,448 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 0,4 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng T 2, khóm H, phường B, thành phố B, được 8.000.000 đồng nên bị cáo còn 5,048 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 19/2/2017, có giá bán ra: 2.595.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $0,4 \times 10 \times 2.595.000 = 10.380.000$ đồng.

Lần thứ 12: Ngày 26/02/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,24 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 4,808 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 1 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng T 2 được 20.000.000 đồng nên còn 3,808 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 26/2/2017, có giá bán ra: 2.595.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N $1 \times 10 \times 2.595.000 = 25.950.000$ đồng.

Lần thứ 13: Ngày 02/3/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,1685 lượng vàng 17K thành phẩm cho ông Quốc N nên còn lại 3,6395 lượng vàng thô . Lúc này, bị cáo sợ ông Quốc N phát hiện và muốn chiếm đoạt vàng nhiều hơn đem bán lấy tiền tiêu xài nên ngày 10/3/2017, bị cáo tiếp tục dùng thủ đoạn nêu trên và đến tiệm vàng P, ở khóm H, phường B, thành phố B, do ông Lý N làm chủ để xin gia công vàng, ông Lý N đồng ý, bị cáo tiếp tục nhận vàng thô của ông Lý N nhập chung với số vàng còn lại của ông Quốc N và gia công thành phẩm giao đúng hên cho ông Quốc N, để ông Quốc N tin tưởng giao thêm vàng thô cho bị cáo và tiếp tục gia công giao cho ông Lý N và chiếm đoạt thêm vàng thô mà không bị nghi ngờ. Ngày 10/3/2017, ông Lý N giao cho bị cáo 2,6095 lượng vàng thô , nhập chung số vàng thô còn lại của ông Quốc N 3,6395 lượng nên bị cáo giữ tổng cộng 6,249 lượng vàng thô . Từ số vàng này, bị cáo gia công thành phẩm 2,6385 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn lại 3,6105 lượng vàng thô . Trong số vàng này, bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 0,2 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng T 2 được 4.000.000 đồng nên bị cáo còn 3,4105 lượng vàng thô của ông Lý N và ông Quốc N.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 10/3/2017, có giá bán ra: 2.557.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $0,2 \times 10 \times 2.557.000 = 5.114.000$ đồng.

Lần thứ 14: Ngày 17/3/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,614 lượng vàng 17K giao cho ông Lý N nên còn lại 2,7965 lượng vàng thô . Lúc này, ông Lý N thấy bị cáo giao vàng đúng hên nên tin tưởng giao thêm 2,4255 lượng vàng thô nên bị cáo giữ tổng cộng 5,222 lượng vàng thô . Trong số vàng này, bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 0,2 lượng vàng 17K bán cho tiệm vàng T 2 được 4.0000.000 đồng nên còn 5,022 lượng vàng thô .

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng , xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 17/3/2017, có giá bán ra: 2.572.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $0,2 \times 10 \times 2.572.000 = 5.144.000$ đồng.

Lần thứ 15: Ngày 18 và 19/3/2017, bị cáo gia công thành phẩm thêm 0,3335 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn 4,6885 lượng vàng thô . Đồng thời, ông Quốc N cũng giao thêm 0,059 lượng vàng thô nên bị cáo giữ 4,7475 lượng vàng thô . Từ ngày 19 đến 22/3/2017, bị cáo gia công thành phẩm thêm 0,4105 lượng vàng 17K giao cho ông Lý N nên còn lại 4,337 lượng vàng thô . Trong số vàng này , bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 0,3 lượng vàng 17K, rồi bán cho tiệm vàng Trang Ngọc 2 được 6.000.000 đồng nên còn 4,037 lượng vàng thô .

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 19 đến 22/3/2017, có giá bán ra: 2.580.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $0,3 \times 10 \times 2.580.000 = 7.740.000$ đồng.

Lần thứ 16: Ngày 23/3/2017, bị cáo giao 0,0095 lượng vàng 17K thành phẩm cho ông Quốc N nên còn 4,0275 lượng vàng thô . Lúc này, bị cáo muốn ông Quốc N giao thêm vàng thô để chiếm đoạt và có vàng thành phẩm giao cho ông Lý N nên nói với ông Quốc N “*Vừa làm hàng cũ vừa làm thêm hàng mới không đủ vàng để làm, chú N giao thêm vàng cho con làm*”, ông Quốc N tin tưởng giao thêm 0,442 lượng vàng thô nên bị cáo có 4,4695 lượng vàng thô . Từ ngày 24 đến 29/3/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,125 lượng vàng 17K giao cho ông Lý N và 1,1405 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn 3,204 lượng vàng thô . Trong số vàng này , bị cáo gia công thành một chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 0,2 lượng vàng 17K, rồi bán cho tiệm vàng T 2 được 4.000.000 đồng nên còn 3,004 lượng vàng thô .

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng , xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 24 đến 29/3/2017, ngày có giá bán ra thấp nhất là 2.595.000 đồng, ngày có giá bán ra cao nhất là 2.610.000 đồng/chỉ;

Do không xác định được bị cáo bán vàng ngày nào trong các ngày 24 đến 29 tháng 3 năm 2017, cho nên theo hướng có lợi cho bị cáo, lấy giá vàng 17K thô của ngày có giá bán ra thấp nhất để áp dụng.

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $0,2 \times 10 \times 2.595.000 = 5.190.000$ đồng

Lần thứ 17: Ngày 30/3/2017, bị cáo gia công thành phẩm giao cho ông Lý N 1,6885 lượng vàng 17K và giao cho ông Quốc N 0,0985 lượng vàng 17K nên còn 1,217 lượng vàng thô . Đến ngày 31/3/2017, ông Lý N giao cho bị cáo 0,002 lượng vàng thô nên bị cáo có 1,219 lượng vàng thô . Ngày 02/4/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,5585 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N nên còn 0,6605 lượng

vàng thô. Ngày 5/4/2017, ông Quốc N giao thêm cho bị cáo 0,1 lượng vàng thô nên bị cáo có 0,7605 lượng vàng thô. Lúc này, bị cáo thấy số vàng thô còn quá ít trong khi số vàng còn thiếu của ông Quốc N và ông Lý N nhiều, sợ bị phát hiện nên ngày 06/4/2017, bị cáo đến giao một vài sản phẩm mà ông Quốc N đã yêu cầu làm trước đó với tổng trọng lượng 0,642 lượng vàng 17K nên bị cáo còn 0,1185 lượng vàng thô nên cầm theo một mẫu sản phẩm mới giới thiệu và yêu cầu ông Quốc N giao vàng thêm để gia công. Ông Quốc N tin tưởng giao 6,701 lượng 17K nguyên liệu thô nên bị cáo có 6,8195 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành nhiều chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 1,7 lượng vàng 17K, rồi bán cho tiệm vàng T 2 được 34.000.000 đồng nên bị cáo còn 5,1195 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 06/4/2017, có giá bán ra: 2.617.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $1,7 \times 10 \times 2.617.000 = 44.489.000$ đồng

Lần thứ 18: Ngày 09/4/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,273 lượng vàng 17K giao cho ông Lý N nên còn 4,8465 lượng vàng thô. Thấy bị cáo giao vàng đúng thời hạn, ông Lý N tin tưởng nên ngày 10/4/2017, giao tiếp cho bị cáo 1,7795 lượng vàng thô nên bị cáo giữ 6,626 lượng vàng thô và gia công thành phẩm giao cho ông Quốc N 0,309 lượng vàng 17K nên còn 6,317 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 1 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng T ở khóm H, phường B, thành phố B được 20.000.000 đồng nên còn lại 5,317 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 10/4/2017, có giá bán ra: 2.617.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $1 \times 10 \times 2.617.000 = 26.170.000$ đồng

Lần thứ 19: Ngày 14/4/2017, bị cáo tiếp tục giới thiệu sản phẩm mới, ông Quốc N thấy đẹp đồng ý đặt hàng và giao tiếp cho bị cáo 7,054 lượng vàng thô nên bị cáo có 12,371 lượng vàng 17K nguyên liệu thô. Ngày 17/4/2017, bị cáo gia công thành phẩm giao cho ông Quốc N 0,7365 lượng vàng 17K và giao cho ông Lý N 1,232 lượng vàng 17K nên còn 10,4025 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành hai chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là một lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 20.000.000 đồng nên còn 9,4025 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 17/4/2017, có giá bán ra: 2.677.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $1 \times 10 \times 2.677.000 = 26.770.000$ đồng.

Lần thứ 20: Ngày 20/4/2017, bị cáo đến gặp ông Lý N giới thiệu sản phẩm mới và yêu cầu giao thêm vàng để gia công, ông Lý N đồng ý và giao cho bị cáo 6,5995 lượng vàng thô nên bị cáo có 16,002 lượng vàng thô. Từ số vàng này, bị cáo gia công thành phẩm 0,396 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N và 5,1195 lượng vàng 17K giao cho ông Lý N nên còn lại 10,4865 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành năm chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 2,5 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng T 2 được 50.000.000 đồng dùng để sử dụng vào mục đích cá nhân nên còn 7,9865 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 20/4/2017, có giá bán ra: 2.662.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $2,5 \times 10 \times 2.662.000 = 66.550.000$ đồng.

Lần thứ 21: Ngày 03/5/2017, ông Lý N giao cho bị cáo 6,1625 lượng vàng thô nên bị cáo có 14,149 lượng vàng thô. Lúc này, bị cáo gia công thành phẩm 6,235 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N và gia công 2,7605 lượng 17K cho ông Lý N nên còn 5,1535 lượng vàng thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công thành sáu chiếc nhẫn nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 3 lượng vàng 17K, rồi đem bán cho tiệm vàng K được 60.000.000 đồng nên bị cáo còn giữ 2,1535 lượng vàng thô.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 03/5/2017, có giá bán ra: 2.655.000 đồng/chỉ;

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $3 \times 10 \times 2.655.000 = 79.650.000$ đồng.

Lần thứ 22: Ngày 21/5/2017, ông Quốc N tiếp tục giao thêm 0,971 lượng vàng Italia nguyên liệu thô cho bị cáo nên bị cáo gia công thành phẩm giao cho ông Quốc N 0,511 lượng vàng Italia và 0,747 lượng vàng 17K; giao cho ông Lý N 0,293 lượng vàng 17K nên còn lại 1,1135 lượng vàng 17K nguyên liệu thô và 0,46 lượng vàng Italia thô. Trong số vàng này, bị cáo gia công sản phẩm nhưng chưa hoàn thiện với trọng lượng là 0,46 lượng vàng Italia, rồi đem bán cho tiệm vàng Trang Ngọc 2 được 9.200.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng , xác định: ngày 21/5/2017, vàng Italia (nguyên liệu thô chưa thành phẩm) có giá mua vào : 2.513.000 đồng/chỉ; có giá bán ra: 2.816.000 đồng/chỉ.

Như vậy , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N: $0,46 \times 10 \times 2.816.000 = 12.953.600$ đồng.

Lần thứ 23: Ngày 07/6/2017, bị cáo gia công thành phẩm giao cho ông Lý N 0,028 lượng vàng 17K nên còn 1,0855 lượng vàng thô . Ngày 08/6/2017, bị cáo gia công thành phẩm 0,291 lượng vàng 17K giao cho ông Quốc N, ông Quốc N tin tưởng giao thêm cho bị cáo 0,2265 lượng vàng thô nên còn 1,021 lượng vàng thô . Trong số vàng này, bị cáo gia công sáu chiếc nhẫn trơn nhưng chưa hoàn thiện bán nhiều lần cho tiệm vàng K được 20.420.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo khai đã chi tiêu cá nhân , mua vé số và bỏ trốn khỏi địa phương và làm thuê kiếm sống.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng, xác định vàng 17K nguyên liệu thô chưa thành phẩm: Ngày 08/6/2017, có giá bán ra: 2.670.000 đồng/chỉ.

Như vậy, căn cứ kết quả định giá tại sản trên , bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N: $1,021 \times 10 \times 2.670.000 = 27.260.700$ đồng.

Xét thấy, từ vụ thứ 1 đến vụ thứ 12 và vụ thứ 22, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Quốc N tổng cộng 5 lượng vàng 17 K và 0,46 lượng vàng Italia thô , giá trị thành tiền là 141.195.600 đồng; từ vụ thứ 13 đến vụ thứ 21 và vụ thứ 23, do lượng vàng ông Quốc N và ông Lý N giao cho bị cáo đã nhập chung lại với nhau nên không có căn cứ xác định số lượng vàng bị cáo chiếm đoạt cụ thể của từng người , nhưng qua đối chiếu sổ giao nhận vàng giữa bị cáo với ông Quốc N và ông Lý N thì có căn cứ xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Quốc N và ông Lý N tổng cộng 11,121 lượng vàng thô , giá trị thành tiền là 294.077.700 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 09/01/2017 đến ngày 08/6/2017, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để 23 lần chiếm đoạt của ông Phùng Quốc N 9,0865 lượng vàng 17K thô, 0,46 lượng vàng Italia thô và ông Lý N 7,0345 lượng vàng 17K thô, với tổng số giá trị thành tiền là 435.273.300 đồng (trong đó chiếm đoạt của ông Quốc N là 249.256.792 đồng và chiếm đoạt của ông Lý N là 186.016.508 đồng). Cáo trạng thể hiện số tiền bị cáo chiếm đoạt là 435.083.300 đồng là chưa chính xác.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Căn cứ vào giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139

Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Vì vậy, việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho người dân nên cần phải có một mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[4] Bị cáo 23 lần thực hiện hành vi phạm tội, cho nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, cụ thể như sau: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã bồi thường cho ông Lý N và ông Quốc N mỗi người 10.000.000 đồng. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông Phùng Quốc N và ông Lý N xác định bị cáo đã bồi thường được cho mỗi người là 10.000.000 đồng. Ông Quốc N yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 239.000.000 đồng, ông Lý N yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 176.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận buộc bị cáo bồi thường cho ông Quốc N số tiền 239.000.000 đồng, ông Lý N số tiền 176.000.000 đồng.

[7] Các tiệm vàng K, T 2 và K H xác định do lượng khách đến mua bán đông, nên không xác định được có khách hàng nào là bị cáo hay không, do đó không căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hồng Hiền V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Hồng Hiền V 08 (tám) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Hồng Hiến V có trách nhiệm bồi thường cho ông Phùng Quốc N số tiền 239.000.000 đồng, ông Lý N số tiền 176.000.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Hồng Hiến V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.BL;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu.

Lê Hồng Lam